

Số: 1491/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 29 tháng 4 năm 2016

### **QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt dự án “Hỗ trợ sinh kế cho các nhóm yếu thế tại huyện Tĩnh Gia” do Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn tài trợ thông qua tổ chức Phi chính phủ HelpAge International.

### **CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ Phi chính phủ nước ngoài; căn cứ Nghị định số 12/2012/NĐ-CP ngày 01/3/2012 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ tại Tờ trình số 18/TTr-SNgV ngày 21/4/2016; của Hội Người cao tuổi tỉnh Thanh Hóa tại Tờ trình số 03/TTr-HNCT ngày 06/4/2016,

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án “Hỗ trợ sinh kế cho các nhóm yếu thế tại huyện Tĩnh Gia” do Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Lọc hóa dầu Nghi Sơn tài trợ thông qua tổ chức Phi chính phủ HelpAge International (HelpAge), quốc tịch Anh, với những nội dung chính sau đây:

1. Tên dự án: “Hỗ trợ sinh kế cho các nhóm yếu thế tại huyện Tĩnh Gia”
2. Cơ quan chủ quản dự án: Ủy ban Nhân dân tỉnh Thanh Hóa
3. Chủ tài khoản dự án: Hội Người cao tuổi tỉnh Thanh Hóa; sau khi tiếp nhận, Hội Người cao tuổi tỉnh Thanh Hóa sẽ phân bổ cho đơn vị đồng thực hiện, cụ thể là Hội Người cao tuổi huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.
4. Cơ quan thực hiện
  - a) Phía địa phương: Hội Người cao tuổi tỉnh Thanh Hóa phối hợp với Hội Người cao tuổi huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.
  - b) Phía nhà tài trợ: Tổ chức HelpAge International
5. Địa điểm thực hiện: Tại 23 thôn thuộc 4 xã Mai Lâm, Hải Yến, Nguyên Bình và Tĩnh Hải của huyện Tĩnh Gia.
6. Nguồn tài trợ: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn
7. Mục tiêu của dự án: Nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của các nhóm yếu thế, đặc biệt những người có nguy cơ và dễ bị tổn thương ở 23 thôn thuộc 4

xã: Mai Lâm, Hải Yến, Nguyên Bình và Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia bị ảnh hưởng bởi di dời và tái định cư liên quan đến xây dựng dự án Nhà máy Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn.

7. Các hoạt động chính của dự án: Kế hoạch hoạt động của dự án ban hành kèm theo Quyết định này (tại Phụ lục 1)

6. Thời gian thực hiện dự án: Tháng 4/2016 – 12/2016

7. Kinh phí dự án: 249.995 USD (Hai trăm bốn mươi chín nghìn chín trăm chín mươi lăm Đô la Mỹ).

Kế hoạch ngân sách ban hành kèm theo Quyết định này (tại Phụ lục 2)

**Điều 2.** Dự án được mở tài khoản riêng, sử dụng con dấu của Hội Người cao tuổi tỉnh Thanh Hóa để giao dịch và triển khai thực hiện.

Vật tư, hàng hóa, nhập khẩu hoặc mua trong nước từ nguồn kinh phí viện trợ của Dự án được miễn thuế nhập khẩu, thuế VAT theo các quy định.

**Điều 3.** Phân công nhiệm vụ:

- Giao Sở Ngoại vụ theo dõi chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các hoạt động chung của dự án theo quy định đối với dự án viện trợ của tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

- Giao Ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với dự án thực hiện tại địa bàn.

- Giao Hội Người cao tuổi tỉnh, Hội Người cao tuổi huyện Tĩnh Gia phối hợp với tổ chức HelpAge International triển khai thực hiện dự án đã được phê duyệt theo đúng quy định tại Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài; Thông tư 225/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính Nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước; định kỳ báo cáo việc thực hiện dự án lên UBND tỉnh và cơ quan chức năng theo quy định.

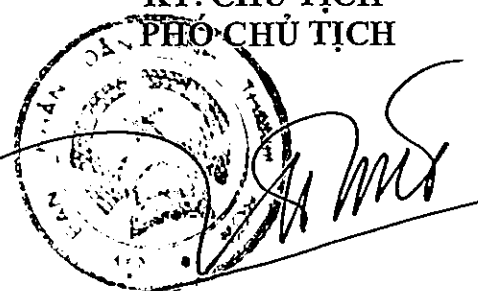
**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Ngoại vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Công an tỉnh, Y tế; Hội Người cao tuổi tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Tĩnh Gia, Hội Người cao tuổi huyện Tĩnh Gia; Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (Để b/c);
- UB công tác về các TC PCPN;
- Tổ chức HelpAge International
- Lưu;VT, THKH (Hà 02).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Thị Thìn**

# PHỤ LỤC 1: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG

Dự án "Hỗ trợ sinh kế cho các nhóm yếu thế tại huyện Tĩnh Gia"

(Kèm theo Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

**Tên Dự án:** Hỗ trợ sinh kế cho các nhóm yếu thế tại huyện Tĩnh Gia

**Mục tiêu tổng quát:** Mục tiêu tổng quát của dự án là nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của các nhóm yếu thế, đặc biệt những người có nguy cơ và dễ bị tổn thương, ở 23 thôn bị ảnh hưởng bởi nhường đất hoặc tái định cư thuộc 4 xã Mai Lâm, Hải Yến, Nguyên Bình và Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh

**Mục tiêu cụ thể:** Mục tiêu cụ thể của dự án là nhằm cải thiện thu nhập, sức khỏe và giúp các nhóm yếu thế được hưởng lợi từ các dịch vụ và phát triển ở 23 thôn của huyện Tĩnh Gia

**Kết quả 1:** 23 Câu lạc bộ Liên thế hệ Tự giúp nhau (CLB LTH TGN) được thành lập và đi đầu trong các sáng kiến nhằm thúc đẩy phát triển có sự tham gia ở địa phương

**Kết quả 2:** Thu nhập của ít nhất 700 hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi nhường đất hoặc tái định cư được tăng lên

**Kết quả 3:** Các dịch vụ chăm sóc và sức khỏe cũng như nhận thức về sức khỏe được cải thiện cho ít nhất 9.000 người có nguy cơ hoặc dễ bị tổn thương

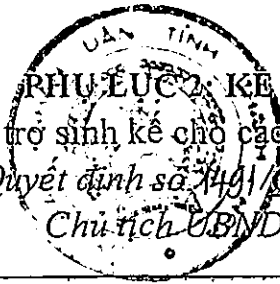
**Kết quả 4:** Các nhóm dễ bị tổn thương được tiếp cận tốt hơn với quyền lợi của mình thông qua một cơ chế giám sát tại 23 thôn mục tiêu

**Kết quả 5:** Chia sẻ kinh nghiệm và hợp tác giữa các nhà cung cấp dịch vụ, chính quyền địa phương và cộng đồng được tăng cường.

| No | Các hoạt động                                                                                | T 4 | T5 | T6 | T7 | T8 | T9 | T10 | T11 | T12 |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|----|----|----|----|-----|-----|-----|
|    | <b>Kết quả 1:</b>                                                                            |     |    |    |    |    |    |     |     |     |
|    | 1.1 Hợp định hướng dự án tại huyện                                                           | X   |    |    |    |    |    |     |     |     |
|    | 1.2 Thành lập các câu lạc bộ (CLB) và tập huấn Ban Chủ nhiệm CLB và đối tác địa phương       |     | X  | X  |    |    |    |     |     |     |
|    | 1.3 Hỗ trợ các CLB tiến hành sinh hoạt tháng, họp sơ kết hàng quý, kết hợp tập huấn nâng cao |     |    | X  | X  | X  | X  | X   | X   | X   |
|    | 1.4 Giám sát và hỗ trợ kỹ thuật thường xuyên                                                 | X   | X  | X  | X  | X  | X  | X   | X   | X   |
|    | <b>Kết quả 2</b>                                                                             |     |    |    |    |    |    |     |     |     |

|                                                                                                                                                                                             |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2.1 Hỗ trợ các CLB triển khai các mô hình tín dụng vi mô do CLB tự quản lý (gồm xếp loại mức độ nghèo và nhu cầu, làm đơn xin vay vốn, thẩm định, lựa chọn người được vay và phát vốn vay). |  | X | X | X | X |   |   |   |   |
| 2.2 Hỗ trợ kỹ thuật thường xuyên về tăng thu nhập cho các thành viên CLB và cộng đồng của họ                                                                                                |  |   | X | X | X | X | X | X | X |
| 2.3 Thúc đẩy tiếp cận với đào tạo nghề và việc làm, với các nguồn tín dụng bên ngoài CLB (của chính phủ hoặc tư nhân)                                                                       |  |   |   |   | X | X | X | X | X |
| 2.4 Thúc đẩy đối thoại và hợp tác với các bên liên quan trong lĩnh vực giảm nghèo và tạo việc làm                                                                                           |  |   |   |   | X | X | X | X | X |
| <b>Kết quả 3</b>                                                                                                                                                                            |  |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 3.1 Nâng cao nhận thức về sức khỏe và khuyến khích thực hành tự chăm sóc sức khỏe, sống mạnh khỏe và rèn luyện thân thể.                                                                    |  |   | X | X | X | X | X | X | X |
| 3.2 Thúc đẩy các CLB kết nối với nhà cung cấp dịch vụ sức khỏe địa phương nhằm tiến hành khám sức khỏe lưu động để chuẩn đoán, tư vấn sử dụng thuốc và điều trị kịp thời, và chuyển tuyến   |  |   | X | X | X | X | X | X | X |
| 3.3. Thiết lập dịch vụ chăm sóc tại nhà dựa vào cộng đồng nhằm cung cấp các dịch vụ chăm sóc tại nhà thường xuyên cho những người có nhu cầu nhất                                           |  |   |   | X | X | X | X | X | X |
| 3.4 Hỗ trợ các thành viên CLB và cộng đồng tiếp cận với bảo hiểm y tế                                                                                                                       |  |   |   | X | X | X | X | X | X |
| 3.5 Tăng cường liên kết và hợp tác với các nhà cung cấp dịch vụ y tế địa phương                                                                                                             |  |   |   | X | X | X | X | X | X |
| <b>Kết quả 4</b>                                                                                                                                                                            |  |   |   |   |   |   |   |   |   |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4.1 Hỗ trợ các CLB tiến hành thường xuyên các buổi cung cấp thông tin ở cộng đồng nhằm nâng cao nhận thức về quyền kinh tế và xã hội (VD: quyền có chứng minh thư, quyền liên quan đến đất đai, trợ cấp xã hội, các cơ hội việc làm và các dịch vụ xã hội) ở các thôn mục tiêu |   |   |   | X | X | X | X | X | X |
| 4.2 Nâng cao năng lực của các CLB trong giám sát và hỗ trợ tiếp cận quyền lợi (dịch vụ pháp lý)                                                                                                                                                                                |   |   |   | X | X | X | X | X | X |
| 4.3 Nâng cao năng lực của các CLB nhằm thường xuyên trao đổi/đối thoại với các nhà cung cấp dịch vụ và chính quyền địa phương về các vấn đề liên quan đến tiếp cận dịch vụ ở địa phương, quyền lợi và sự tham gia của người dân vào quá trình phát triển của địa phương        |   |   |   | X | X | X | X | X | X |
| <b>Kết quả 5</b>                                                                                                                                                                                                                                                               |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| 5.1 Khảo sát ban đầu và đánh giá cuối dự án                                                                                                                                                                                                                                    |   | X |   |   |   |   |   |   | X |
| 5.2 Tài liệu hóa và phân phát các tài liệu về các bài học và thực hành tốt                                                                                                                                                                                                     | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| 5.3 Chia sẻ phương pháp tiếp cận của dự án tại các sự kiện vận động chính sách ở địa phương                                                                                                                                                                                    |   |   |   | X | X | X | X | X | X |
| 5.4 Thúc đẩy trao đổi/đối thoại với các nhà cung cấp dịch vụ và chính quyền địa phương.                                                                                                                                                                                        |   |   |   | X | X | X | X | X | X |
| 5.5 Hội nghị tổng kết dự án                                                                                                                                                                                                                                                    |   |   |   |   |   |   |   |   | X |



**PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH**

Dự án "Hỗ trợ sinh kế cho các nhóm yếu thế tại huyện Tĩnh Gia"  
(Kèm theo Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của  
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

| STT  | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                      | Số tiền          |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
|      |                                                                                                                                                                                                                                                               | USD              |
| 1    | <b>Chi phí nhân sự</b>                                                                                                                                                                                                                                        |                  |
| 1,1  | Lương (lương gộp, cán bộ dự án trong nước của HelpAge, cán bộ của tỉnh, của huyện thực hiện dự án)                                                                                                                                                            |                  |
|      | Lương cán bộ dự án của HelpAge                                                                                                                                                                                                                                | 25.350,00        |
|      | Lương cán bộ dự án tỉnh, huyện                                                                                                                                                                                                                                | 13.500,00        |
|      | Cán bộ dự án cấp tỉnh (50%)                                                                                                                                                                                                                                   | 1.575,00         |
|      | Trợ lý dự án cấp tỉnh (100%)                                                                                                                                                                                                                                  | 2.475,00         |
|      | Cán bộ dự án cấp huyện (100%)                                                                                                                                                                                                                                 | 2.700,00         |
|      | Trợ lý dự án cấp huyện (100%) (2)                                                                                                                                                                                                                             | 4.500,00         |
|      | Trợ lý kê toán kiêm hành chính cấp huyện                                                                                                                                                                                                                      | 2.250,00         |
| 1,2  | <b>Chi phí hỗ trợ cho Tình nguyện viên, thực tập viên (huyện)</b>                                                                                                                                                                                             |                  |
|      | Tình nguyện viên/thực tập viên (2)                                                                                                                                                                                                                            | 2.520,00         |
| 1,3  | Lương (Lương gộp, cán bộ dự án quốc tế)                                                                                                                                                                                                                       | 11.250,00        |
|      | <b>Tổng chi phí nhân sự</b>                                                                                                                                                                                                                                   | <b>52.620,00</b> |
| 2    | <b>Chi phí quản lý và vận hành</b>                                                                                                                                                                                                                            |                  |
| 2,1  | Máy in (3)                                                                                                                                                                                                                                                    | 900,00           |
| 2,2  | Tủ, bàn ghế văn phòng                                                                                                                                                                                                                                         | 1.200,00         |
| 2,3  | Bộ âm ly (di động) (4)                                                                                                                                                                                                                                        | 360,00           |
| 2,4  | Máy tính xách tay (10)                                                                                                                                                                                                                                        | 2.950,00         |
| 2,5  | Máy chiếu (4)                                                                                                                                                                                                                                                 | 1.200,00         |
| 2,6  | Máy ảnh (4)                                                                                                                                                                                                                                                   | 1.000,00         |
| 2,7  | Máy photocopy (1)                                                                                                                                                                                                                                             | 1.100,00         |
| 2,8  | USB (16)                                                                                                                                                                                                                                                      | 80,00            |
| 2,9  | 3G (8)                                                                                                                                                                                                                                                        | 280,00           |
| 2,10 | Chi phí chuyển tiền qua ngân hàng                                                                                                                                                                                                                             | 270,00           |
| 2,11 | Văn phòng phẩm, vật dụng (các cấp)                                                                                                                                                                                                                            | 630,00           |
| 2,12 | Photocopy và vật dụng tập huấn                                                                                                                                                                                                                                | 180,00           |
| 2,13 | Liên lạc phí                                                                                                                                                                                                                                                  | 450,00           |
| 2,14 | Chi phí khác (các cấp)                                                                                                                                                                                                                                        | 990,00           |
| 2,15 | Chi phí gián tiếp - quản lý phí ( Chi phí quản lý và hỗ trợ kỹ thuật trong nội bộ tổ chức; Các phúc lợi khác của cán bộ dự án như chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm tai nạn...; Tiền thuê và cải thiện văn phòng Hà Nội; Chi phí truyền thông, giám sát chất lượng) | 24.640,00        |
|      | <b>Tổng chi phí quản lý và vận hành</b>                                                                                                                                                                                                                       | <b>36.230,00</b> |
| 3    | <b>Chi phí hoạt động</b>                                                                                                                                                                                                                                      |                  |
|      | <b>Mảng hoạt động 1</b>                                                                                                                                                                                                                                       |                  |
| 3,1  | Hợp định hướng dự án                                                                                                                                                                                                                                          | 222              |
| 3,2  | Tập huấn cho Ban chủ nhiệm CLB và đối tác dự án                                                                                                                                                                                                               | 11.188,00        |
| 3,3  | Hợp mạng lưới và tập huấn bổ sung                                                                                                                                                                                                                             | 10.308,00        |
| 3,4  | Hỗ trợ hoạt động tháng của CLB                                                                                                                                                                                                                                | 3.220,00         |

|      |                                                                                                                                             |                   |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
|      | <b>Tổng mảng hoạt động 1</b>                                                                                                                | <b>24.938,00</b>  |
| 3,5  | Mảng hoạt động 2                                                                                                                            |                   |
| 3,6  | Quỹ Vốn vay tăng thu nhập của GLB                                                                                                           | 108.445,00        |
|      | <b>Tổng mảng hoạt động 2</b>                                                                                                                | <b>108.445,00</b> |
| 3,7  | Mảng hoạt động 3                                                                                                                            |                   |
| 3,8  | Bộ dụng cụ tập huấn nâng cao nhận thức                                                                                                      | 3.450,00          |
| 3,9  | Bộ dụng cụ đo huyết áp cân nặng                                                                                                             | 1.150,00          |
|      | <b>Tổng mảng hoạt động 3</b>                                                                                                                | <b>4.600,00</b>   |
|      | <b>Mảng hoạt động 4</b>                                                                                                                     |                   |
| 3,10 | Khảo sát ban đầu                                                                                                                            | 250,00            |
| 3,11 | Đánh giá cuối dự án                                                                                                                         | 250,00            |
|      | <b>Tổng khảo sát và đánh giá</b>                                                                                                            | <b>500,00</b>     |
|      | <b>Chi phí tuyên truyền</b>                                                                                                                 |                   |
| 3,12 | Tờ gấp về dự án, đối tác và nhà tài trợ                                                                                                     | 400,00            |
| 3,13 | Biên tên dự án                                                                                                                              | 240,00            |
| 3,14 | Website                                                                                                                                     | 300,00            |
|      | <b>Tổng chi phí tuyên truyền</b>                                                                                                            | <b>940,00</b>     |
| 3,15 | <b>Hội nghị Tổng kết Dự án</b>                                                                                                              | <b>1.316,00</b>   |
| 3,16 | <b>Chi phí giám sát và hỗ trợ kỹ thuật các cấp</b>                                                                                          | <b>20.406,00</b>  |
|      | Tiền ăn ở của chuyên gia khu vực                                                                                                            | 1.050,00          |
|      | Tiền về máy bay của chuyên gia khu vực                                                                                                      | 1.500,00          |
|      | Tiền ăn ở cho các chuyên gia giám sát của cán bộ dự án HAI hàng tháng                                                                       | 9.720,00          |
|      | Tiền đi lại cho các chuyến giám sát và hỗ trợ kỹ thuật cho cán bộ dự án HAI (thuê xe, taxi) đi lại Hà Nội- Thanh Hóa – Hà Nội trong 9 tháng | 3.996,00          |
|      | Công tác phí và đi lại trong tỉnh                                                                                                           | 1.692,00          |
|      | Công tác phí và đi lại trong huyện                                                                                                          | 2.448,00          |
|      | <b>Tổng mảng hoạt động 4</b>                                                                                                                | <b>23.162,00</b>  |
|      | <b>Tổng chi phí hoạt động</b>                                                                                                               | <b>161.145,00</b> |
|      | <b>Tổng kinh phí dự án (1+2+3)</b>                                                                                                          | <b>249.995,00</b> |